

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG THANG ĐO MINH BẠCH THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Ths. Lê Ngọc Đoàn Trang*

Việc công bố thông tin (CBTT) có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng có liên quan đến thị trường chứng khoán (TTCK). Khi thông tin được công bố đầy đủ và kịp thời, tính minh bạch của tổ chức sẽ được tăng cường, qua đó ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin. Minh bạch thông tin kế toán (TTKT) qua việc CBTT không chỉ là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc mà các tổ chức còn phải tuân thủ giúp nâng cao uy tín và hình ảnh của tổ chức trên thị trường, đồng thời là nền tảng để gia tăng giá trị của công ty. Nghiên cứu này hướng đến việc xây dựng một bộ chỉ số để đánh giá tình hình minh bạch TTKT của công ty niêm yết (CTNY) tại Việt Nam. Bộ chỉ số này được xây dựng trên khung pháp lý hiện hành về CBTT cho CTNY tại Việt Nam gồm ba nhóm yếu tố với 82 tiêu chí. Mục tiêu xây dựng thang đo minh bạch TTKT là điều kiện đầu tiên cần thiết cho xác định minh bạch TTKT của CTNY.

• Từ khóa: thang đo minh bạch thông tin, minh bạch thông tin kế toán, tiêu chí minh bạch thông tin kế toán.

The disclosure of information (DOI) is of significant importance to stakeholders in the stock market (SM). When information is disclosed fully and promptly, the transparency of the organization is enhanced, thereby influencing the decisions of information users. Accounting information transparency (AIT) through DOI is not only a mandatory legal obligation but also something organizations must adhere to in order to enhance their reputation and image in the market. It also serves as a foundation for increasing the company's value. This research aims to develop an index to assess the AIT situation of listed companies (LCs) in Vietnam. This index is built on the current legal framework regarding DOI in Vietnam and includes three groups of factors with 82 criteria. The goal of developing the AIT transparency scale is the first necessary condition for determining the AIT of LCs.

• Key words: information transparency scale, accounting information transparency, accounting information transparency criteria.

Đặt vấn đề

Các nghiên cứu đều chứng minh ưu điểm chung của TTKT minh bạch dành cho người sử dụng thông tin gồm nhận biết chất lượng thông tin thông qua các tín hiệu, giảm thiểu chi phí đại diện, tăng cường thanh khoản cổ phiếu, giảm chi phí vốn, và nâng cao giá trị công ty. Minh bạch TTKT làm rõ vai trò và quyền lợi của các bên có

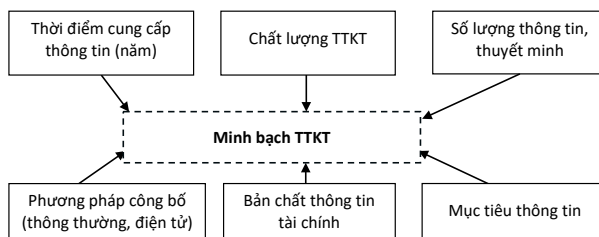
Ngày gửi bài: 29/3/2024

Ngày gửi phản biện: 10/4/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 12/7/2024

Ngày chấp nhận đăng: 30/8/2024

liên quan, tạo điều kiện cho thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), người quản lý thực hiện quyền. Ngoài ra, minh bạch TTKT cũng thiết lập nguyên tắc và quy chế để hướng dẫn đưa ra các quyết định của công ty (Uwuigbe & cộng sự, 2019). Theo Scott (1983), các công bố mang thông tin cao được gọi là “minh bạch”, “chính xác” hoặc “chất lượng cao” vì cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích cho nhà đầu tư. Tất cả nghiên cứu đều cho rằng minh bạch TTKT là một trong những yêu cầu quan trọng nhất được tìm thấy trong báo cáo tài chính, điều này làm cho thông tin trong các báo cáo đáng tin cậy và tăng độ tin cậy thông tin làm cho thông tin phù hợp, giúp người dùng có cơ sở để xử lý kịp thời và ra quyết định hợp lý. Tổng hợp các bản chất và khái niệm minh bạch TTKT được giải thích theo Sabry & cộng sự (2023):



* Đại học Sài Gòn (SGU); email: lndtrang@sgu.edu.vn

1. Xây dựng chỉ số minh bạch thông tin kế toán của công ty niêm yết

Lựa chọn hạng mục chỉ số minh bạch thông tin kế toán

Dựa trên cơ sở nghiên cứu báo cáo CTNY liên quan đến việc công bố định kỳ thông tin cụ thể của DN. Theo nghiên cứu của Bushman & cộng sự (2004) trên cơ sở bắt buộc xem xét các khía cạnh của báo cáo: (1) cường độ công khai tài chính, (2) cường độ CBTT quản trị, (3) các nguyên tắc kế toán được sử dụng để đo lường công khai tài chính, (4) tính kịp thời của CBTT tài chính và (5) kiểm toán chất lượng công khai tài chính.

Yếu tố đầu tiên, minh bạch tài chính phản ánh cường độ và tính kịp thời của việc CBTT tài chính. Yếu tố thứ hai, được hiểu là tính minh bạch của quản trị, phản ánh mức độ công khai thông tin quản trị và mức độ này thấp hơn mức độ và tính kịp thời của các CBTT tài chính mà các nhà đầu tư bên ngoài sử dụng để quy trách nhiệm cho các quản lý và ban giám đốc.

Thành phần của Chỉ số minh bạch TTKT của Việt Nam (VnTR) ban đầu bao gồm hai bước. *Đầu tiên*, rà soát toàn diện các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam về CBTT đảm bảo minh bạch TTKT để xác định những điểm tương đồng và nhất quán giữa các chỉ số này. *Thứ hai*, hạng mục được chọn trong chỉ mục được xác định là có liên quan để điều tra mức độ công bố TTKT tại TTCK Việt Nam sau đó được phân loại thành ba loại chính theo nhu cầu thông tin của người sử dụng chủ yếu ở TTCK Việt Nam.

Công bố dữ liệu thị trường tài chính: Thông tin này bao gồm thông tin đánh giá chỉ số tài chính CTNY. Đây là thông tin rất quan trọng đối với các cổ đông trong việc ra quyết định và được xem là mục tiêu thông tin cần và đủ cho minh bạch TTKT.

CBTT về giám đốc và quản lý cấp cao: Liên quan đến thông tin về quản lý CTNY gồm công bố lương thưởng, lợi ích khác cho Thành viên HĐQT; Ban Điều hành (Tổng Giám đốc/Giám đốc (GD) điều hành), Phó Tổng GD/Phó GD, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát. Đồng thời, CTNY công bố kinh nghiệm quản lý thành viên HĐQT thông qua công bố tên, chức vụ, quá trình làm việc. Thông tin này hữu ích vì đối tượng sử dụng thông tin cần xác định tính bền vững của CTNY qua kinh nghiệm và tiềm năng ban quản lý. Đây là nhân tố đảm bảo chất lượng TTKT được công ty cung cấp.

CBTT hướng tới tương lai: Thông tin cho phép các nhà đầu tư đưa ra dự đoán về tương lai gồm đánh giá về cơ hội và rủi ro, các hoạt động, kế hoạch, thu nhập dự kiến CTNY. Những CBTT như vậy cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư trong việc ra quyết định.

Sàng lọc hạng mục cho minh bạch thông tin kế toán

Đầu tiên, một số quy định bắt buộc CBTT của CTNY tại Việt Nam được xác định. Đó là khung pháp lý CBTT theo Luật DN 59/2020, 17/06/2020; Luật Chứng khoán 54/2019/QH14, 26/11/2019; Nghị định 155/2020/NĐ-CP, 31/12/2020 chi tiết hóa việc thi hành Luật Chứng khoán; Thông tư 96/2020/TT-BTC, 16/11/2020. Đối tượng có liên quan chính CTNY Việt Nam là cơ quan quản lý nhà nước về TTCK. Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước là hai cơ quan quản lý chính chịu trách nhiệm quản lý và điều tiết TTCK với chức năng đã ban hành quy định quản lý hoạt động CBTT. Việc CTNY tuân thủ các quy định cơ bản được xem là cung cấp thông tin đầy đủ, bản chất cơ bản của thông tin liên quan CTNY đến người sử dụng có liên quan đảm bảo điều kiện cần và đủ của chất lượng thông tin cung cấp. Đây là cơ sở pháp lý cơ bản cho việc xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá minh bạch TTKT của CTNY tại Việt Nam.

Thứ hai, trọng tâm về đánh giá thực hiện công bố minh bạch TTKT của CTNY. Danh sách sơ bộ được gửi đến chuyên gia với yêu cầu sàng lọc thông tin theo các quy định bắt buộc. Dựa trên phản hồi khảo sát và phỏng vấn, danh sách cuối cùng gồm 88 mục được tổng hợp.

Đo lường chỉ số minh bạch thông tin kế toán tại Việt Nam

Xây dựng thang đo minh bạch TTKT qua CBTT áp dụng cách tiếp cận phương pháp tính điểm phân đôi không trọng số: Mỗi mục có trọng số như nhau và được thể hiện ở dạng phân đôi, theo đó công ty được cho một (1) cho một mục được CBTT và không (0) nếu không CBTT vì đặc tính khách quan của phương pháp.

Trọng số hạng mục trong chỉ số minh bạch thông tin kế toán

Do trọng tâm là đánh giá CBTT qua báo cáo định kỳ của CTNY đảm bảo minh bạch TTKT nói chung cho tất cả người sử dụng thông tin nên việc áp dụng chỉ số CBTT không có trọng số được xem là phù hợp nhất vì điều này đã được ghi nhận là ít chủ quan và ít phán xét hơn. Hơn nữa, phần lớn

các nghiên cứu về thực hành công bố TTKT ở cả các nền kinh tế phát triển và nền kinh tế mới nổi đều áp dụng cách tiếp cận ít chủ quan này.

Chấm điểm hạng mục trong chỉ số minh bạch thông tin kế toán

Đầu tiên, mỗi báo cáo hàng năm của CTNY đọc hai lần. Lần đầu tiên cho phép làm quen với phạm vi, môi trường hoạt động của CTNY để xem xét liệu một số hạng mục có thể áp dụng cho CTNY cụ thể đó hay không? Lần thứ hai thực hiện để tính điểm cho CTNY.

Thứ hai, bảng chấm điểm CTNY được thí điểm ban đầu để đảm bảo phương pháp tính điểm áp dụng là đáng tin cậy vì theo Marston & cộng sự (1991), điểm công bố đáng tin cậy nếu kết quả do một nhà nghiên cứu độc lập thu được là bản sao gần giống với kết quả ban đầu. Để đảm bảo phương pháp tính điểm được áp dụng chính xác cần hướng dẫn chi tiết, rõ ràng để cho điểm từng mục trong chỉ số CBTT. Phương pháp này được giới thiệu bởi (Buzby, 1975) và được nhiều tác giả áp dụng trong các nghiên cứu về CBTT. Độ tin cậy đề cập trong xây dựng chỉ số minh bạch TTKT đạt được kết quả bằng cách sử dụng một công cụ nhiều lần (Bernard, 2013).

Cuối cùng, điểm minh bạch TTKT qua chấm điểm CBTT từ mỗi công ty được ghi lại trong một bảng chấm điểm và CTNY được cho điểm dựa trên chỉ số CBTT trên các báo cáo theo quy định. Các thủ tục chấm điểm là:

+ Mỗi công ty được cho điểm một (1) cho một hạng mục CBTT trong danh sách kiểm tra và không (0) nếu không CBTT.

+ Điểm từng hạng mục được cộng lại để tính tổng điểm CBTT đạt được của CTNY cụ thể.

+ Tổng số điểm tiết lộ được chia cho tổng số điểm tối đa.

Chỉ số minh bạch TTKT (VnTR) của Việt Nam được tính cho từng CTNY như sau:

$$VnTR_i = \frac{\sum_{k=1}^{82} X_i}{n_i}$$

$VnTR_i$ = Chỉ số minh bạch TTKT của CTNY i

X_i : Điểm của tiêu chí thứ i đạt được khi khảo sát

n_i : Tổng số điểm của bộ tiêu chí đánh giá (88 điểm)

2. Thang điểm của bộ tiêu chí đánh giá bảng chỉ số

Sau khi tham vấn bảng hỏi tiêu chí minh bạch TTKT với các chuyên gia, điểm mỗi tiêu chí được

cho với tất cả mục đều quan trọng như nhau vì làm giảm tính chủ quan trong xác định trọng số cho từng mục. Các tiêu chí trong bảng chỉ số đánh giá MBTT qua thông tin công bố đánh giá theo thang 2 cấp 0,1 cho 82 tiêu chí. Kết quả tiêu chí đánh giá tính minh bạch TTKT:

Mục	Nội dung câu hỏi	Điểm	Nguồn văn bản
I	Minh bạch cấu trúc sở hữu	13	
1	CTNY có cung cấp mô tả phân loại cổ phiếu	1	TT96/2020
2	CTNY có cung cấp mô tả các cổ đông nắm giữ các loại cổ phiếu	1	
3	CTNY có cung cấp số lượng cổ phiếu PT đã phát hành và lưu hành	1	
4	CTNY có cung cấp số lượng cổ phiếu ưu đãi đã phát hành và lưu hành	1	TT96/2020
5	CTNY có công bố quyền biểu quyết cho mỗi loại cổ phiếu	1	
6	Công bố nhóm cổ đông/tổ chức nhỏ hơn 5%, 10%, 35%		
6a	Công bố nhóm cổ đông nhỏ hơn 5%	1	
6b	Công bố nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến 10%	1	
6c	Công bố nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 35%	1	
6d	Công bố nhóm cổ đông sở hữu từ 35% trở lên	1	
7	CTNY có CB cổ đông cá nhân sở hữu tập trung nhiều hơn 1%, 5, 10%		
7a	Công bố cổ đông sở hữu dưới 1%	1	
7b	Công bố cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	1	
7c	Công bố cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10%	1	
7d	Công bố cổ đông sở hữu từ 10% trở lên	1	
II	Minh bạch công bố thông tin tài chính	40	
1	CTNY có công bố chi tiết loại hình kinh doanh	1	TT96/2020
2	CTNY có công bố chi tiết về sản phẩm; dịch vụ của công ty	1	
3	CTNY có công bố chi tiết mục tiêu hoạt động	1	
4	CTNY có công bố thị phần kinh doanh sản phẩm, dịch vụ và mô tả chi tiết	1	
5	CTNY có công bố kế hoạch đầu tư KD những năm kế tiếp và mô tả chi tiết	1	
6	CTNY có công bố các chỉ tiêu tài chính hiệu quả đầu tư: ROE, ROA, khả năng thanh toán nợ, thanh khoản, v.v...	1	
7	CTNY có đưa ra phân tích thông tin tài chính trên Báo cáo thường niên.	1	
8	CTNY có nhận biết rủi ro và giải pháp xử lý trên Báo cáo thường niên.	1	
9	CTNY có công bố báo cáo tài chính theo Quý; 6 tháng; Năm	1	
10	CTNY có thảo luận và công bố liên quan các chính sách kế toán năm qua Đại hội cổ đông thường niên	1	
11	CTNY có công bố chuẩn mực kế toán áp dụng	1	
12	CTNY có công bố phương pháp định giá tài sản	1	
13	CTNY có công bố phương pháp khấu hao tài sản cố định	1	
14	CTNY có công bố báo cáo kế toán, kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định pháp luật	1	
15	CTNY có công bố BCTC hợp nhất: Trường hợp Công ty mẹ phải có BCTC riêng & BCTC hợp nhất, Công ty kế toán cấp trên phải có BCTC tổng hợp.	1	
16	CTNY có công bố tên của tổ chức kiểm toán độc lập	1	
17	Tổ chức kiểm toán độc lập được sử dụng ở nhóm Công ty kiểm toán thuộc Big Four (Deloitte, PwC, EY, KPMG)	1	
18	CTNY có tường thuật lại báo cáo kiểm toán trong báo cáo thường niên	1	
19	CTNY có công bố chi phí và lý do chọn công ty kiểm toán	1	
20	Báo cáo tài chính CTNY (bản niên/năm) có chênh lệch trước/sau kiểm toán không? CTNY có giải trình sự thay đổi.	1	
21	Báo cáo thường niên CTNY không có sai sót phải giải trình, điều chỉnh	1	
22	CTNY có giải trình kết quả kinh doanh lãi/lỗ trong quý; 6 tháng và năm.	1	
23	CTNY có giải trình về thay đổi lợi nhuận từ 10% trở lên của 6 tháng và năm trên Báo cáo tài chính	1	

Mục	Nội dung câu hỏi	Điểm	Nguồn văn bản
24	CTNY kịp thời công bố thông tin BCTC năm kế từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo kiểm toán	1	
25	CTNY kịp thời công bố thông tin BCTC bán niên (6 tháng đầu năm) đã được soát xét của tổ chức kiểm toán	1	
26	CTNY có công bố BCTC hợp nhất (Trường hợp Công ty mẹ có BCTC riêng & BCTC hợp nhất, Công ty kế toán cấp trên có BCTC tổng hợp)	1	
27	CTNY kịp thời công bố thông tin BCTC theo Quý	1	
28	CTNY kịp thời công bố thông tin báo cáo quản trị năm	1	
29	CTNY kịp thời công bố nghị quyết của ĐHCĐ thường niên, Hội đồng quản trị trong 24 giờ sau khi thông qua	1	TT96/2020
30	CTNY không vi phạm CBTT bất thường theo yêu cầu quy định pháp luật	1	
31	CTNY có công bố danh sách công ty thành viên, nắm giữ cổ phiếu thiểu số.	1	
32	CTNY có công bố cơ cấu sở hữu của các công ty thành viên	1	
33	Báo cáo thường niên của CTNY có mục liên hệ nhà đầu tư	1	
34	Trang Website CTNY liên kết với UBCK NN/ Sở GD&ĐT	1	
35	Trang Website CTNY có mục công bố thông tin cho nhà đầu tư	1	
36	Trang Website CTNY có công bố đầy đủ các Báo cáo quản trị	1	
37	Trang Website CTNY có công bố điều lệ công ty	1	
38	Trang Website CTNY có công bố Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng đầu năm và năm tài chính	1	
39	Trang Website CTNY có công bố Báo cáo thường niên	1	
40	Trang Website CTNY có công bố đủ Báo cáo tài chính Quý gần nhất	1	
III	Minh bạch Hội đồng quản trị và điều hành	35	
1	CTNY có công bố danh sách thành viên HĐQT (tên, chức vụ, quá trình làm việc)	1	Luật DN, TT96/2020
2	CTNY có công bố danh sách thành viên HĐQT độc lập đảm bảo > 1/3 số thành viên HĐQT	1	NĐ155/2020 TT96/2020
3	CTNY có thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT của trên 5 công ty khác	1	NĐ 155/2020
4	CTNY có mô tả chi tiết về vai trò của Hội đồng quản trị trong công ty	1	TT96/2020
5	Thành viên Hội đồng quản trị đã có chứng chỉ tham gia đào tạo về QTCT	1	TT96/2020
6	CTNY có công bố số lượng cổ phiếu được nắm giữ bởi các thành viên Hội đồng quản trị (sở hữu, đại diện công ty)	1	TT96/2020
7	CTNY có tách rời chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành	1	TT116/2020
8	CTNY có thành lập các ban thuộc Hội đồng quản trị (Chính sách phát triển; Lương thưởng; Kiểm toán; Đầu tư tài chính; Chiến lược, Kiểm soát rủi ro)	1	TT96/2020 TT116/2020
9	CTNY có công bố thủ lao cho Thành viên Hội đồng quản trị	1	TT96/2020
10	Hội đồng quản trị có họp đủ số lần theo quy định	1	TT116/2020
11	CTNY có chức danh Thư ký công ty/Thư ký HĐQT	1	TT116/2020
12	CTNY có công bố danh sách Ban điều hành (tên, chức vụ, quá trình làm việc)	1	Luật DN TT96/2020
13	CTNY có mô tả chi tiết về vai trò của Tổng Giám đốc/GĐ điều hành công ty	1	TT96/2020
14	CTNY có công bố thay đổi thành viên Ban điều hành công ty	1	TT96/2020
15	Thành viên Ban giám đốc có bằng cấp về quản trị; tài chính	1	Luật DN
16	CTNY có công bố số lượng cổ phiếu được nắm giữ bởi Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành (sở hữu, đại diện công ty)	1	TT96/2020
17	CTNY có trình bày báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc trước Hội đồng quản trị (trong Báo cáo thường niên)	1	TT96/2020
18	CTNY có công bố thu lao cho Ban Điều hành	1	TT96/2020
19	CTNY có công bố danh sách thành viên Ban kiểm soát/chi tiết số người	1	Luật DN, TT96/2020 TT116/2020
20	CTNY có mô tả chi tiết về vai trò của Ban kiểm soát trong công ty	1	TT96/2020
21	Ban kiểm soát có họp đủ số lần theo quy định (≥ 2 lần)	1	TT116/2020
22	Báo cáo thường niên có công bố lương thưởng, lợi ích khác cho thành viên Ban kiểm soát	1	TT96/2020

Mục	Nội dung câu hỏi	Điểm	Nguồn văn bản
23	Báo cáo thường niên có đính kèm BCTC đã kiểm toán	1	TT96/2020
24	CTNY có công bố báo cáo quản trị (bán niên, năm) theo quy tắc QTCT	1	TT96/2020
25	CTNY có công bố báo cáo phát triển bền vững/chi tiết	1	TT96/2020
26	Báo cáo QTCT có đề cập hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc	1	TT96/2020
27	BCTC năm có do Tổng giám đốc và kế toán trưởng (hoặc GĐ tài chính) ký	1	TT200/2014
28	CTNY có chính sách giới hạn về thời gian tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị ≤10 năm	1	Luật DN TT96/2020
29	CTNY có công bố chính sách về đào tạo Tổng Giám đốc/Giám đốc	1	TT96/2020
30	CTNY có chính sách phê duyệt qua Hội đồng quản trị khi bán cổ phiếu công ty, và công bố việc này trong Báo cáo thường niên	1	NĐ155/2020 TT96/2020
31	CTNY có công bố các giao dịch của các cổ đông sáng lập; cổ đông nội bộ và người có liên quan	1	TT96/2020
32	CTNY có công bố lịch cho ngày họp cổ đông quan trọng trước ngày họp	1	TT96/2020
33	CTNY có mô tả những nội dung quan trọng; chi tiết nội dung họp trong những cuộc họp Đại hội cổ đông	1	TT96/2020
34	CTNY thực hiện bỏ phiếu cho tất cả đề xuất tại Đại hội cổ đông thường niên	1	TT96/2020
35	CTNY công bố kết quả chi tiết những vấn đề được bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông thường niên	1	TT96/2020

Kết luận

Minh bạch TTKT là một khái niệm khó đo lường một cách trực tiếp. Nội dung chính của nghiên cứu này đề xuất một bộ tiêu chí đo lường minh bạch TTKT cho CTNY Việt Nam. Bên cạnh ứng dụng để đánh giá vấn đề minh bạch TTKT qua CBTT của CTNY, bộ tiêu chí có những đóng góp về mặt học thuật là đề xuất một bộ tiêu chí chi tiết về vấn đề CBTT trên TTCK hiện nay. Mặc dù, tác giả cố gắng xây dựng bộ tiêu chí để có thể áp dụng cho CTNY Việt Nam nhưng chỉ số mà tác giả đề xuất còn hạn chế vì: (1) Một số tiêu chí chưa được đưa vào do thông tin công bố của CTNY chưa được phong phú và đầy đủ với chi tiêu CBTT tự nguyện; (2) Bộ tiêu chí này không áp dụng cho các ngân hàng, công ty tài chính và bảo hiểm niêm yết do các đơn vị này có chế độ báo cáo khác nhau. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo có thể bổ sung, phát triển bộ tiêu chí này để sớm có một bộ tiêu chí chính thức được sử dụng trong CTNY Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Bernard, H Russell. (2013). *Social research methods: Qualitative and quantitative approaches*: Sage.
- Bushman, Robert M; Piotroski, Joseph D & Smith, Abbie J. (2004). What determines corporate transparency? *Journal of Accounting Research*, 42(2), 207-252. doi:10.1111/j.1475-679X.2004.00136.x
- Buzby, Stephen L. (1975). *Company Size, Listed Versus Unlisted Stocks, and the Extent of Financial Disclosure*. *Journal of Accounting Research*, 13(1), 16-37. doi:10.2307/2490647
- Ho, Poh-Ling. (2009). *Determinants of voluntary disclosure by Malaysian listed companies over time*. Curtin University.
- Marston, Claire L. & Shrivs, Philip J. (1991). *The use of disclosure indices in accounting research: A review article*. *The British Accounting Review*, 23(3), 195-210. doi:10.1016/0890-8389(91)90080-L
- Sabry, Sada Sabah & Hussein, Ali Ibrahim. (2023). *The modified role of the company's characteristics in the relationship of accounting disclosure transparency with the restatement of financial statements: Evidence from Iraq*. *Journal of Namibian Studies: History Politics Culture*, 33, 2192-2214-2192-2214.
- Scott, William. (1983). *Financial accounting theory*.
- Uwuigbe, O. R.; Olorunshe, O.; Uwuigbe, U.; Ozordi, E.; Asiruwa, O.; Asaolu, T. & Erin, O. (2019). *Corporate governance and financial statement fraud among listed firms in Nigeria*. *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science*, 331(1), 012055. doi:10.1088/1755-1315/331/1/012055